

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2022
V/v: Chị Đoàn Thúy M xin ly hôn anh
Nguyễn D.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thủy và ông Nguyễn Phúc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lỗ Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thùy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thúy M, sinh năm 1990;

ĐKTT: Căn hộ 6VP3, tầng 6, tòa nhà H, chung cư cao cấp S, phường M, quận H, Hà Nội;

Trú tại: Chung cư OPT - nhà số 5, ngách 225 phố Q, phường H, quận C, Hà Nội. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn D, sinh năm 1965;

ĐKTT và trú tại: Căn hộ 6VP3, tầng 6, tòa nhà H, chung cư cao cấp S, phường M, quận H, Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Đoàn Thúy M trình bày:

Chị M là học trò của anh Nguyễn D, do hai bên có nảy sinh tình cảm nên đã chung sống như vợ chồng cùng nhau từ năm 2015. Đến năm 2016, khi chị có thai gần đến ngày sinh vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND phường M,

quận H, Hà Nội. Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D sống ích kỷ, coi thường gia đình vợ và công việc của vợ, chị không biết gì về anh. Cho đến nay anh chị chung sống cùng nhau đã 7 năm song anh chị chưa tổ chức lễ cưới, không thực hiện bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ gì với gia đình hai bên. Chị nhiều lần thể hiện ý kiến nguyện vọng và đưa ra quan điểm của mình song anh thường né tránh, từ đó vợ chồng thiếu sự chia sẻ, thông cảm, quan hệ vợ chồng cũng vì thế mà lạnh nhạt, anh chị ở chung nhà nhưng mỗi người một phòng, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, từ năm 2021 đến nay chị về nhà bố mẹ ở. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn yêu thương và tôn trọng lẫn nhau nên chị tha thiết xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/12/2016, nguyện vọng của chị là xin được nuôi con vì cháu là con gái, chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn; chị đang làm trại Trung tâm T, thu nhập 20.000.000đ/tháng; chị yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

*Bị đơn - anh Nguyễn D trình bày: Anh xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2016 và hai bên chưa tổ chức vì con còn nhỏ, sau đó anh bị sỏi thận và lại vướng dịch bệnh nên chưa cưới được. Quan hệ vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân là do anh có lỗi với gia đình chị M, dẫn đến hiểu lầm, từ đó quan hệ của anh với gia đình vợ không tốt, vợ anh cũng không khéo léo, không dung hòa được nên giữa anh và vợ anh cũng bị ảnh hưởng vì chị M nghe theo gia đình về cũng tỏ thái độ với anh, không chia sẻ với anh nên anh không có cách nào quan tâm được. Anh thừa nhận anh cũng có lúc sai, chưa thực sự hiểu vợ; song bản thân chị M cũng không hoàn hảo, anh mong muốn cả hai bên nên cho nhau cơ hội để cùng nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, nếu chị M kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị giải quyết theo pháp luật và đề nghị được nuôi con; Anh hiện đang làm tại Học viện Y, thu nhập 8.200.000đ/tháng; anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh. Nếu chị M nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Về nhà đất đang ở là của anh, anh mua trước thời kỳ hôn nhân nên anh xác định không có tài sản chung. Nợ chung không có.

Tòa án đã thu thập ý kiến của đại diện gia đình chị M, ông T và bà S là bố mẹ của chị M có quan điểm như sau: Chị M và anh D chung sống cùng nhau có nhiều mâu thuẫn, ông bà đã đứng ra hòa giải song không đi đến kết quả. Nay, hai bên không thể chung sống cùng nhau, ông bà đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết để hai bên có cuộc sống mới hạnh phúc hơn, thoát khỏi cuộc sống như hiện nay vì thực tế hai bên ly thân từ lâu, ở cùng nhà nhưng không cùng phòng, mọi việc đều không liên quan đến nhau. Chị M hiện đang sống cùng ông bà, ông bà đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng được

nuôi con của chị M và ông bà cam kết tạo điều kiện về nơi ăn ở sinh hoạt cũng như hỗ trợ chị M trong việc nuôi con.

Xác minh tại UBND phường M, quận H thể hiện: Anh chị ở chung cư nên việc mâu thuẫn vợ chồng tổ dân phố không nắm được; về việc tranh chấp nuôi con anh chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và xin được nuôi con chung.

- Bị đơn trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, không đồng ý ly hôn; đề nghị Tòa giải quyết về tình cảm và con chung theo quy định của pháp luật; Nếu chị M nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000/tháng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hà Đông (Thẩm phán, Thư ký) và các bên đương sự đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thúy M, giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh D cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, quan điểm của nguyên đơn, bị cáo Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Đoàn Thúy M và anh Nguyễn D đăng ký thường trú tại căn hộ 6VP3, tầng 6, tòa nhà H, chung cư cao cấp S, phường M, quận H, Hà Nội; anh chị tranh chấp về việc xin ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Chị Đoàn Thúy M và anh Nguyễn D đăng ký kết hôn ngày 21/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận H, Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Theo chị M vợ chồng không hạnh phúc vì thiếu tôn trọng nhau, không quan tâm chia sẻ nhau, vợ chồng ở cùng nhà nhưng ly thân từ sau thời điểm chị sinh con 1 năm; từ năm 2021 đến nay chị chuyển hẳn về ở nhà bố mẹ đẻ; chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị tha thiết xin ly hôn anh D. Theo anh D, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng nếu chị tha thiết xin ly hôn anh đồng ý và mong muốn được nuôi con; tại phiên tòa anh D không

đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, chủ yếu là do mâu thuẫn giữa anh và gia đình vợ, bản thân vợ anh không làm cầu nối cho anh và gia đình dẫn đến quan hệ giữa anh và bố mẹ vợ luôn trong tình trạng căng thẳng, chị M nghe bố mẹ về có thái độ với anh; ngoài ra do chị M không mở lòng nên anh không có cách nào hàn gắn quan hệ vợ chồng. HĐXX thấy rằng, chị M và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình anh chị chung sống không hạnh phúc thể hiện ở việc vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, như anh chị đều thừa nhận tại các buổi hòa giải vợ chồng sống cùng nhà nhưng khác phòng, từ năm 2021 đến nay chị M dọn về ở hẳn với bố mẹ đẻ, con chung hôm ở cùng bố hôm ở cùng mẹ; quá trình hòa giải tại tòa án anh chị cũng thể hiện sự xung đột gay gắt về quan điểm sống, cách giải quyết vấn đề.... Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh D đã trở nên trầm trọng, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng chia sẻ, thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thúy M.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/12/2016. Cả hai bên đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, xét nguyện vọng của cả hai là chính đáng và cả hai bên anh D chị M đều có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, cháu H là con gái nên giao chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Nguyễn D cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ là phù hợp.

[4] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu; nợ chung không có.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Đoàn Thúy M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 220; 227, 264, 266, 267, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đoàn Thúy M.

1- Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Thúy M được ly hôn anh Nguyễn D.

2- Về con chung: Giao chị Đoàn Thúy M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 24.12.2016; anh Nguyễn D phải cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có thỏa thuận, thay đổi khác.

Anh Nguyễn D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3- Về chia tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

4- Về nợ chung: Không có.

5- Về án phí: Chị Đoàn Thúy M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 9632 ngày 06.01.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

6- Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- UBND phường Mộ Lao
(ĐKKH số 125/21.12.2016)
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN THỊ NGỌC MAI